**(49) TRUY XUẤT THÔNG TIN**

**1. Tên học phần:** TRUY XUẤT THÔNG TIN

**2. Mã học phần:** INT3019

**3. Số tín chỉ: 3 (2 tín chỉ lý thuyết + 1 tín chỉ thực hành) Học phần:** *Tự chọn*

* Lý thuyết: 30 tiết
* Thực hành (thực hành, thảo luận, bài tập, kiểm tra): 30 tiết
* Tự học: 75 giờ

**4. Phân bố thời gian**

* Thời điểm thực hiện: Học kỳ 7
* Số tiết/ tuần: 4 tiết/ tuần
* Tổng số tuần/ học kỳ: 15 tuần

**5. Bộ môn/ Khoa phụ trách:** Khoa Công nghệ thông tin

**6. Học phần tiên quyết/ học trước:** Cơ sở dữ liệu

**7. Mô tả học phần**

Học phần Truy xuất thông tin là học phần tự chọn, nằm trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, phần kiến thức chuyên sâu của ngành. Học phần được bố trí vào học kỳ 6 hoặc học kỳ 7 của khóa học. Học phần có 4 đơn vị kiến thức, giới thiệu những kiến thức căn bản trong lĩnh vực truy xuất thông tin, bao gồm: các mô hình truy xuất thông tin, các phương pháp lập chỉ mục, mô hình không gian véc-tơ và phương pháp đánh giá mô hình truy xuất thông tin. Ngoài ra, sinh viên được hướng dẫn để thực hiện một đồ án môn học.

**8. Mục tiêu học phần**

Kết thúc học phần này, sinh viên đạt được những yêu cầu cơ bản sau:

*8.1. Về kiến thức*

 *-* Trình bày được các mô hình truy xuất thông tin, các phương pháp lập chỉ mục, mô hình không gian véc-tơ và phương pháp đánh giá mô hình truy xuất thông tin.

*8.2. Về kỹ năng*

 *-* Thực hiện được đề án môn học có vận dụng kiến thức truy xuất thông tin.

*8.3. Về thái độ*

 - Có ý thức tìm hiểu vấn đề truy xuất thông tin trong công nghệ thông tin.

**9. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Phải nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng;

 - Sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên;

 - Tham gia đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi tổ chức thảo luận dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy chế.

**10. Tài liệu tham khảo**

**10.1. Giáo trình, tài liệu chính**

[1]. Nguyễn Văn Đức, Trần Quang Vinh, Đỗ Trọng Tuấn, Giáo trình thông tin di động, NXB Bách Khoa Hà Nội, 2007.

**10.2. Giáo trình tài liệu tham khảo**

[2]. Trần Thị Thu Hà, Hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định, NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2007.

[3]. Christopher D. Manning, Prabhakar Raghavan and Hinrich Schutze, Introduction to Information Retrieval, Cambridge University Press, 2008. <http://research.microsoft.com/en-us/um/people/cmbishop/prml/>

**11. Trang thiết bị dạy – học:** Máy tính, máy chiếu.

**12. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên**

Theo Điều 10, Điều 19, Điều 21, Điều 22 của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, sinh viên tham dự học mỗi học phần được đánh giá loại đạt nếu:

- Có đăng ký học học phần đúng thời hạn, đảm bảo điều kiện tiên quyết vào đầu mỗi học kỳ với phòng Đào tạo nhà trường.

- Tích cực tham dự lớp học, hoàn thành đầy đủ các điểm đánh giá bộ phận (Ai) và điểm kết thúc học phần (ĐKTHP). Sinh viên vắng mặt không có lý do chính đáng trong buổi kiếm tra đánh giá điểm bộ phận hoặc thi kết thúc học phần sẽ nhận điểm 0.

- Có điểm học phần (ĐHP) đạt một trong các mức điểm A, B, C, D.

**13. Thang điểm**

Thang điểm tính theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT, ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo.

**14. Nội dung học phần**

|  |
| --- |
| **Chương 1: DẪN NHẬP***Tổng số: 15 tiết, trong đó Lý thuyết: 7 tiết, Thực hành: 8 tiết; Tự học: 15 giờ** 1. Truy xuất thông tin
	2. Các mô hình truy xuất thông tin căn bản
	3. Lập chỉ mục
	4. Tập từ vựng và danh sách ‘posting’
	5. Truy vấn chỉ mục
 |
| **Chương 2: MÔ HÌNH KHÔNG GIAN VECTO***Tổng số: 15 tiết, trong đó Lý thuyết: 7 tiết, Thực hành: 8 tiết; Tự học: 20 giờ** 1. Trọng số và các phương pháp tính trọng số
	2. Tính véc-tơ score
	3. Truy vấn trên mô hình không gian véc- tơ
 |
| **Chương 3: ĐÁNH GIÁ MÔ HÌNH TRUY XUẤT THÔNG TIN***Tổng số: 15 tiết, trong đó Lý thuyết: 7 tiết, Thực hành: 8 tiết; Tự học: 20 giờ** 1. Đánh giá hệ thống truy vấn thông tin
	2. Các tập dữ liệu kiểm tra chuẩn
	3. Đánh giá các kết quả chưa sắp hạng
	4. Đánh giá các kết quả đã sắp hạng
 |
| **Chương 4: ĐỒ ÁN MÔN HỌC***Tổng số: 15 tiết, trong đó Lý thuyết: 7 tiết, Thực hành: 8 tiết; Tự học: 20 giờ* 4.1. Giới thiệu đồ án 4.2. Hướng dẫn phương pháp thực hiện 4.3. Hướng dẫn và kiểm tra tiến độ thực hiện. Đánh giá và thảo luận |

**15. Phương pháp đánh giá học phần**

Quy định số lần kiểm tra bài tập hoặc tiểu luận, thi, số bài thực hành, trọng số của mỗi lần đánh giá:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TC | (1) | (2) | (3) | (4) |
|  | SL | HS | SL | HS | SL | HS | SL | HS |
| 3 | 2 | 1 | 1 | 1 | 2 | 3 | 1 | 1 |

(1) Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập;

    (2) Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận;

    (3) Điểm đánh giá thực hành;

    (4) Điểm chuyên cần (vắng học 2% tổng số tiết trừ 1 điểm, tính theo thang điểm 10)

Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%.  Hình thức thi: Thi viết

**16. Phương pháp dạy và học:** Giảng dạy lý thuyết kết hợp với thực hành.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ban Giám hiệu** | **Trưởng khoa** | **Trương bộ môn** | **Người soạn** |